

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HS-ST
Ngày 30-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Công Tài;

+ Bà Nguyễn Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Liêm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: ông Trần Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2021/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Minh T, sinh ngày 06 tháng 02 năm 1992, tại thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: khối phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967 (chết); bị cáo có vợ tên Phan Thị Minh T, sinh năm 1993 và 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 08/4/2021, chuyển tạm giam ngày 14/4/2021, hiện đang còn tạm giam. Có mặt.

- Bị hại: ông Trần Hữu V, sinh năm 1983; trú tại: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Huỳnh Đức T2, sinh năm 1995; trú tại: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Ông Trần Minh H, sinh năm 1994; trú tại: khối phố N, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1983; trú tại: K02/09 đường Đ, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

+ Ông Lưu Xuân H, sinh năm 1993; trú tại: số 09/213 đường N, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Lê Hồng Q, sinh năm 1992; trú tại: thôn Đ, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Phan Thanh L, sinh năm 1987; trú tại: khối phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Võ Văn M, sinh năm 1971; trú tại: thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Ông Phan Đình T3, sinh năm 1997; trú tại: khối phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1965; trú tại: khối phố 3, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Bà Phan Thị Minh T, sinh năm 1993; trú tại: khối phố P, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/01/2021, bị cáo xem phát trực tiếp (livestream) mua bán hoa lan trên facebook “*Huỳnh Đức Tài*” của ông Huỳnh Đức T2 thì có ông Trần Hữu V cũng dùng facebook “*Trần Vương*” để vào xem. Khi xem cây, ông V có nhắn tin trong buổi “livestream” với ý định mua cây hoa lan của ông T2, rồi nhắn tin vào facebook “*Huỳnh Đức Tài*” do bị cáo lập, để góp tiền mua hoa lan đột biến nhưng ông V không biết đây là facebook do bị cáo giả mạo. Bị cáo tự nhận mình là ông T2 và trao đổi để lừa ông V chung tiền một cây hoa lan HO (Huỳnh Oanh) trị giá 100.000.000 đồng, ông V góp 27.000.000 đồng. Ngày 07/01/2021, ông V nói bị cáo gửi số tài khoản ngân hàng để chuyển tiền. Để tạo lòng tin với ông V, bị cáo gửi số tài khoản ngân hàng của ông T2. Vì thấy tên chủ tài khoản ngân hàng là Huỳnh Đức T2 nên ông V tin tưởng và chuyển số tiền 27.000.000 đồng.

Ngày 09/01/2021, bị cáo tiếp tục nhắn tin qua facebook cho ông V nói có hai cây lan HO giá trị 105.000.000 đồng và cho ông V góp 35.000.000 đồng. Ông V đồng ý và yêu cầu gửi lan tại vườn để chăm sóc. Bị cáo đưa ra thông tin cây lan này sẽ được 65.000.000 đồng trong vòng 05 ngày nên ông V tin tưởng yêu cầu bị cáo gửi số tài khoản để chuyển tiền, bị cáo tiếp tục yêu cầu ông V chuyển vào tài khoản có tên Huỳnh Đức T2 để tạo lòng tin nên ông V chuyển số tiền 35.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo yêu cầu ông V chuyển giúp bị cáo số tiền 10.000.000 đồng vào tài khoản có tên Lưu Xuân H vì tài khoản của bị cáo bị lỗi không chuyển tiền được. Ngày 10/01/2021, ông V chuyển vào tài khoản có tên Lưu Xuân H số tiền 10.000.000 đồng. Sau khi biết ông V đã chuyển tiền, bị cáo nhắn tin, gửi hình ảnh sổ ghi chép qua cho ông V và nói đã nhận được tổng số tiền là 72.000.000 đồng. Ông V nói bị cáo để ông V mua luôn cây lan HO 100.000.000 đồng, ông V nợ lại bị cáo 63.000.000 đồng. Bị cáo nói hạn mức chuyển khoản ngân hàng đã nâng lên mức một tỷ đồng nhưng vẫn thường xuyên bị lỗi nên chuyển tiền không được, nếu ông V có chuyển tiền thì chuyển qua tài khoản người bán lan. Bị cáo tiếp tục đưa ra thông tin là có khách mua 02 cây lan HO giá 190.000.000 đồng hỏi ông V có bán không, ông V nói bán thì bị cáo nói từ từ chờ lên 250.000.000 đồng rồi bán, ông V đồng ý.

Bị cáo đưa ra một cây lan Bạch Tuyết có giá trị 420.000.000 đồng, hứa sẽ cho ông V chung cây lan này nhưng phải bán hết các cây lan đã chung trước đây. Bị cáo yêu cầu ông V chuyển số tiền 30.000.000 đồng vào tài khoản Lưu Xuân H để chung mua cây Bạch Tuyết. Ông V đồng ý và nói bị cáo cho ông V góp thêm số tiền 13.000.000 đồng để đủ 150.000.000 đồng, hẹn đến ngày 12/01/2021 sẽ chuyển đủ tiền, bị cáo đồng ý (*số tiền 150.000.000 đồng gồm: ông V chuyển 113.000.000 đồng và 35.000.000 đồng tiền lời từ hai cây HO*). Sáng ngày 11/01/2021, bị cáo sao chép hình của ông T2 đang ăn uống với bạn (từ facebook) gửi cho ông V tạo lòng tin, rồi yêu cầu ông V gửi tiền chung cây Bạch Tuyết như dự tính. Thấy vậy, ông V chuyển vào tài khoản Lưu Xuân H số tiền 29.000.000 đồng. Đến chiều ngày 12/01/2021, ông V tiếp tục chuyển vào tài khoản Lưu Xuân H số tiền 12.000.000 đồng. Bị cáo thông báo cho ông V đã nhận được tiền và thống nhất đã chuyển đủ 150.000.000 đồng (*trước khi ông V chuyển tiền qua tài khoản có tên Lưu Xuân H, bị cáo đã liên hệ với ông H - là người bán sim qua mạng và bán xu trong trò chơi điện tử để mua vật phẩm trong game, sau đó liên lạc để ông V chuyển tiền qua cho ông H. Khi mua được vật phẩm trong game, bị cáo tiếp tục bán lại cho người khác lấy tiền, số tiền còn lại H chuyển khoản lại cho bị cáo*). Thông qua tài khoản của H, bị cáo đã chiếm đoạt của V số tiền 51.000.000 đồng.

Ngày 13/01/2021, bị cáo nói với ông V cây lan Bạch Tuyết trị giá 420.000.000 đồng, ông V có 35,7%, nếu bán được 2.000.000.000 đồng thì ông V sẽ có số tiền 750.000.000 đồng. Để củng cố lòng tin với ông V, ngày 14/01/2021, bị cáo chuyển cho ông V số tiền 62.000.000 đồng và nhờ ông V chuyển vào tài khoản Lưu Xuân

H giúp vì tài khoản bị lỗi. Ngày 23/01/2021, bị cáo nhờ ông V chuyển qua tài khoản Lê Hồng Q số tiền 5.000.000 đồng và ông V chuyển tiền vào tài khoản này theo yêu cầu nhưng sau đó ông Q chuyển lại cho ông V số tiền này trong ngày (*Chủ tài khoản Lê Hồng Q là người cùng chơi game Phong Thần với bị cáo. Bị cáo liên hệ với ông Q mua vật phẩm trong game, sau đó liên lạc với ông V nói ông V chuyển tiền cho Q. Ông V chuyển tiền xong nhưng kiểm tra vật phẩm không như ý, bị cáo đã yêu cầu và ông Q chuyển trả tiền lại cho ông V*).

Ngày 26/01/2021, bị cáo gửi hình ảnh một cây hoa lan nói trị giá 35.000.000 đồng và hỏi ông V có mua không, ông V thống nhất mua. Cùng ngày, bị cáo tiếp tục nhờ và ông V đã chuyển qua tài khoản Lê Hồng Q số tiền 5.000.000 đồng. Ngày 30/01/2021, vì muốn chung tiền mua 03 cây lan HO như ban đầu nên ông V và bị cáo thống nhất ông V nợ bị cáo 100.000.000 đồng và hẹn ra tết âm lịch sẽ chuyển tiền. Ngày 31/01/2021, bị cáo nhờ ông V chuyển vào tài khoản tên Nguyễn Thị Mỹ H số tiền 10.000.000 đồng, ông V đã chuyển tiền 10.000.000 đồng như yêu cầu của bị cáo. Ngày 06/02/2021, bị cáo nói cây lan Bạch Tuyết của ông V lãi được 200.000.000 đồng, nếu muốn thì bán lan Bạch Tuyết mua lan Bảo Duy cũng được. Trong thời gian này, bị cáo gửi cho ông V số tiền 20.000.000 đồng và nhờ ông V làm từ thiện, ông V đã làm từ thiện hết số tiền trên. Bị cáo tiếp tục gửi hình ảnh của ông Tài qua cho ông V để làm tin và bị cáo nhờ ông V chuyển qua tài khoản Lê Hồng Q số tiền 5.000.000 đồng. Ngày 08/02/2021, bị cáo nói ông V chuyển 25.000.000 đồng nếu muốn mua lại cây lan HO trước đó. Ngày 09/02/2021, bị cáo nói ông V nếu không có tiền thì chuyển 15.000.000 đồng còn 10.000.000 đồng lì xì cho con ông V và yêu cầu chuyển vào tài khoản tên Nguyễn Thị Mỹ H nên ông V chuyển số tiền 25.000.000 đồng vào tài khoản Nguyễn Thị Mỹ H (*trước khi ông V chuyển tiền qua tài khoản Nguyễn Thị Mỹ H, bị cáo đã liên hệ nhờ bà H - chủ quán internet tại số 229 Hùng V, thành phố Tam Kỳ nhận giúp tiền do anh của bị cáo ở Sài Gòn chuyển khoản và bà H đồng ý*).

Giữa tháng 02/2021, sợ ông V hỏi vấn đề liên quan đến đời tư của ông T2 thì bị cáo sẽ khó trả lời và để bị phát hiện nên bị cáo lập một tài khoản zalo mang tên “*Vườn Lan Xanh Qn*” đồng thời giới thiệu cho ông V tài khoản này là của một người làm ăn chung với bị cáo, có việc gì thì ông V cứ liên hệ với tài khoản này. Khi nói chuyện với ông V trên tài khoản zalo thì bị cáo tự xưng tên là H, tên thường gọi là Lì. Bị cáo tiếp tục nói ông V chung tiền mua hoa lan năm cánh trắng Phú Thọ, rồi yêu cầu ông V chuyển số tiền 150.000.000 đồng. Bị cáo gửi số tài khoản của H để ông V chuyển tiền. Vì tên chủ tài khoản đúng là H nên ông V chuyển tiền lần lượt: vào ngày 23/02/2021 số tiền 80.000.000 đồng, ngày 28/02/2021 số tiền 20.000.000 đồng và ngày 08/03/2021 số tiền 50.000.000 đồng (*trước khi ông V chuyển tiền qua tài khoản có tên Trần Minh H, bị cáo đã liên hệ với ông H - là bạn của bị cáo, nhờ ông H nhận giúp tiền bán hoa lan vì tài khoản của bị cáo bị hỏng, ông H đồng ý*). Thông qua tài khoản của ông H, bị cáo đã

chiếm đoạt của ông V số tiền 150.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo cho ông H 1.000.000 đồng và nói do bán lan được lời nhiều.

Tổng số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của ông V là 251.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, bị cáo đã dùng số tiền 100.000.000 đồng để chung mua cây hoa lan Hồng Xòe, HO, Gái Nhảy, Long Điền với ông L; dùng gần 100.000.000 đồng để mua vật phẩm trong game Phong Thần; dùng 22.000.000 đồng để mua xe Yamaha Exciter biển kiểm soát 92L1-000.37 của ông Q; 10.000.000 đồng bị cáo giữ trên người, số tiền còn lại bị cáo tiêu xài cá nhân đã hết.

Đến cuối tháng 03/2021, bị cáo nói ông V có cây lan Bạch Tuyết giá cao, lợi nhuận lớn nếu đồng ý thì ông V bán lan đã mua và chung thêm 200.000.000 đồng. Do số tiền phải bỏ ra một lần lớn nên ông V đã gọi điện thoại cho ông T2 để trao đổi. Qua trao đổi, ông T2 nói trước giờ chưa giao dịch hoa lan gì với ông V. Ông V phát hiện mình bị lừa đảo nên báo cáo Công an huyện Quế Sơn.

Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra Công an huyện Quế Sơn, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 01 xe mô tô Yamaha Exciter màu đỏ - đen, biển kiểm soát: 92L1-000.37, số máy: 1S94062982, số khung: RLCE1S940AY062980; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô Yamaha Exciter màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát: 92L1-000.37; 01 điện thoại di động OPPO F7 màu đen có số Imei1: 869604030339450, số Imei2: 869604030339443 (*bên trong có hai sim số 0376682234 và 0322900368, được niêm phong trong túi niêm phong mã số PS3 1923944*); số tiền 10.000.000 đồng thu giữ của bị cáo; số tiền 1.000.000 đồng thu giữ của ông H.

Bản cáo trạng số 32/CT-VKSQS ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tuyên bố bị cáo phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"; xử phạt bị cáo từ 04 đến 05 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giữ (08/4/2021).

Về trách nhiệm dân sự: bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho ông V số tiền còn lại.

Về xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô Yamaha Exciter màu đỏ - đen, biển kiểm soát: 92L1-000.37, số máy: 1S94062982, số khung: RLCE1S940AY062980 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô Yamaha Exciter, biển kiểm soát 92L1 - 000.37, đề nghị Hội đồng xét xử giao trả cho ông V.

- 01 điện thoại di động OPPO F7 màu đen có số Imei1: 869604030339450, số Imei2: 869604030339443 (*bên trong có hai sim số 0376682234 và 0322900368*) là tài sản bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 1.000.000 đồng thu giữ của ông Huy: đây là tiền bị cáo chiếm đoạt của ông V nên trả lại cho ông V.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội theo như cáo trạng, bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn. Về phần dân sự: bị cáo xin trả lại chiếc xe biển kiểm soát 92L1-000.37 cho ông V để khắc phục hậu quả.

Bị hại: đề nghị được nhận xe mô tô Yamaha Exciter màu đỏ - đen, biển kiểm soát 92L1-000.37 với giá 20.000.000 đồng theo kết quả định giá để trừ vào số tiền mà bị cáo chưa trả; giấy chứng nhận đăng ký xe; số tiền 1.000.000 đồng. Ngoài ra, ông V xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bà T: xin trả lại xe biển kiểm soát 92L1-000.37 cho ông V để khắc phục hậu quả.

Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông T2, H, H, Q, L, M, T3, Q vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy, họ đã có lời khai trong hồ sơ và sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quế Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử kết luận:

Vào ngày 06/01/2021, bị cáo sử dụng tài khoản facebook “*Huỳnh Đức Tài*” giả mạo tài khoản facebook “*Huỳnh Đức Tài*” của ông Huỳnh Đức T2 (*là người bán cây hoa lan qua mạng facebook*) rồi nhắn tin nói chuyện với ông Trần Hữu V qua tài khoản facebook “*Trần Vương*”. Bị cáo đưa ra các thông tin gian dối như: sử dụng tài khoản chuyển tiền, lấy hình ảnh các cây lan và hình ảnh sinh hoạt hằng ngày trên facebook của ông T2 để ông V tin tưởng và chuyển tiền góp chung mua cây lan, nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của ông V. Khi ông V tin tưởng, bị cáo đã nhiều lần yêu cầu và ông V đã chuyển tiền vào các tài khoản ngân hàng do bị cáo cung cấp như sau: tài khoản Lưu Xuân H, ngày 10/01/2021 số tiền 10.000.000 đồng, ngày 11/01/2021 số tiền 29.000.000 đồng và ngày 12/01/2021 số tiền 12.000.000 đồng; tài khoản Lê Hồng Q, ngày 23/01/2021 số tiền 5.000.000 đồng, ngày 26/01/2021 số tiền 5.000.000 đồng và ngày 06/02/2021 số tiền 5.000.000 đồng; tài khoản Nguyễn Thị Mỹ H, ngày 31/01/2021 số tiền 10.000.000 đồng và ngày 09/02/2021 số tiền 25.000.000 đồng; tài khoản Trần Minh H, ngày 23/02/2021 số tiền 80.000.000 đồng, ngày 28/02/2021 số tiền 20.000.000 đồng và ngày 08/03/2021 số tiền 50.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của ông V là 251.000.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do đó, cáo trạng số 32/CT-VKSQS ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo: quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi để nhận thức được điều đó, nhưng do tham lam, lòng tham, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối làm cho ông V tin tưởng để chiếm đoạt tài sản với mục đích tiêu xài cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội bị cáo gây ra.

[5]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhiều lần, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên thuộc tình tiết tăng nặng “*phạm tội 2 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu

quả cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và có nhân thân tốt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo không có việc làm nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6]. Những vấn đề có liên quan:

- Các ông T2, H, Q, H và bà H: do không biết số tiền được chuyển là do phạm tội mà có nên không xử lý là phù hợp.

- Ông L không biết số tiền 100.000.000 đồng bị cáo chung để đầu tư cây lan là tiền do phạm tội mà có và ông L đã trả lại số tiền trên cho bị cáo nên không xử lý là phù hợp.

- Ông Q không biết số tiền bị cáo mua xe là do phạm tội mà có nên không xử lý là phù hợp.

- Ông T3 đã đổi cây lan cho bị cáo và ông L. Tuy nhiên, ông T3 không biết bị cáo dùng tiền phạm tội mà có để chung với ông L mua lan nên không xử lý là phù hợp.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: bị cáo đã tác động gia đình trả lại cho ông V số tiền 170.000.000 đồng. Quá trình điều tra đã thu hồi được 11.000.000 đồng.

Ông V đề nghị được nhận chiếc xe Yamaha Exciter màu đỏ - đen, biển kiểm soát 92L1-000.37. Bị cáo và bà T thống nhất giao xe mô tô Yamaha Exciter màu đỏ - đen, biển kiểm soát 92L1-000.37 cho ông V sở hữu để khắc phục hậu quả. Ông V, bị cáo thống nhất giá trị chiếc xe theo kết luận định giá số 12/KL-HĐĐGTS ngày 29/7/2021 là giá 20.000.000 đồng. Xét chiếc xe trên do bị cáo dùng tiền chiếm đoạt của ông V để mua nên để đảm bảo việc khắc phục hậu quả, cần giao cho ông V sở hữu theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Như vậy, tổng số tiền bị cáo đã trả và thu hồi là 170.000.000 đồng + 11.000.000 đồng + 20.000.000 đồng + 5.000.000 đồng (*là số tiền ông Q trả lại cho ông V*) = 206.000.000 đồng. Do đó, bị cáo phải tiếp tục trả cho ông V số tiền là 45.000.000 (*bốn mươi lăm triệu*) đồng.

[8]. Về xử lý vật chứng: căn cứ các Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Cơ quan điều tra đã trả cho ông V số tiền 10.000.000 đồng là phù hợp, do đây là số tiền bị cáo chiếm đoạt của ông V.

Chiếc xe mô tô Yamaha Exciter màu đỏ - đen, biển kiểm soát 92L1-000.37 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô Yamaha Exciter biển kiểm soát 92L1-000.37 là tài sản bị cáo dùng tiền chiếm đoạt của ông V để mua nên trả lại cho ông V là phù hợp.

01 điện thoại di động OPPO F7 màu đen có số Imei1: 869604030339450, số Imei2: 869604030339443, bên trong có hai sim số 0376682234 và 0322900368 là tài sản bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Số tiền 1.000.000 đồng, đây là tiền bị cáo chiếm đoạt của ông V nên trả lại cho ông V.

[9]. Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Minh T 04 (*bốn*) năm 06 (*sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giữ (08/4/2021).

2. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 584 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, bị cáo có nghĩa vụ trả cho ông Trần Hữu V số tiền là 45.000.000 (*bốn mươi lăm triệu*) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tuyên:

- Trả cho ông Trần Hữu V:

+ 01 xe mô tô Yamaha Exciter màu đỏ - đen, biển kiểm soát 92L1-000.37, số máy 1S94062982, số khung RLCE1S940AY062980;

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô Yamaha Exciter biển kiểm soát 92L1-000.37;

+ Số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động OPPO F7 màu đen có số Imei1: 869604030339450, số Imei2: 869604030339443, bên trong có hai sim số 0376682234 và 0322900368.

(Các vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn theo biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 12/11/2021; số tiền 1.000.000 đồng đang được tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo Ủy nhiệm chi lập ngày 11/11/2021 và biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 12/11/2021)

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 2.250.000 đồng; tổng số tiền bị cáo phải chịu là 2.450.000 (hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

5. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30-11-2021). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Văn phòng CA huyện Quế Sơn;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Quế Sơn;
- Phòng Hồ sơ CA huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Bị cáo, người TGTĐ khác;
- Lưu AV, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trần Nguyên Vỹ